

BÁO CÁO

Tình hình giá cả thị trường tự do tháng 11 năm 2017

Theo số liệu Cục Thống kê Đắk Lắk:

Chỉ số giá tiêu dùng toàn tỉnh tháng 10/2017 tăng 0,17% so với tháng trước, tăng 1,16% so với tháng 12 năm trước và tăng 1,86% so với cùng kỳ năm trước. Hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0,02% (Lương thực giảm 0,19%, thực phẩm tăng 0,09%, ăn uống ngoài gia đình ổn định). Ngoài ra, các nhóm hàng hóa và dịch vụ khác như may mặc, mũ nón, giày dép tăng 0,02%; nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 0,66%; thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,01%; giáo dục ổn định; giao thông tăng 0,53%; bưu chính viễn thông ổn định; văn hóa, giải trí và du lịch ổn định; đồ uống và thuốc lá ổn định; thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,37%; hàng hóa và dịch vụ khác tăng 0,01%.

I. Tình hình diễn biến giá cả thị trường tự do tháng 11/2017 như sau:

Nhìn chung hầu hết các mặt hàng lương thực, thực phẩm tăng, giảm so với tháng trước, cụ thể như sau:

1. Nhóm hàng lương thực:

Giá bình quân thóc tẻ và gạo các loại giảm không đáng kể so với tháng trước. Giá bán lẻ bình quân thóc tẻ: 6.800 - 6.900 đ/kg; Giá gạo tẻ các loại trong tháng 11/2017 với mức giá: Gạo tẻ ngon loại 1: từ 17.000 - 17.500 đ/kg, gạo tẻ loại thường: 12.000 - 13.000 đ/kg.

2. Nhóm hàng thực phẩm:

- Giá bình quân thịt heo các loại ổn định so với tháng trước, với mức giá cụ thể như sau: Thịt heo mỡ sấn: 75.000 - 80.000 đ/kg, thịt heo thăn: 80.000 - 85.000 đ/kg; Riêng giá heo hơi giảm từ 1.000 - 2.000 đ/kg so với tháng 10/2017, với mức giá bình quân từ 27.000 - 29.000 đ/kg; Giá bình quân thịt bò phi lê loại 1: 250.000 - 260.000 đ/kg; Thịt gà các loại: thịt gà công nghiệp nguyên con làm sẵn 50.000 - 55.000 đ/kg; Gà ta còn sống 100.000 - 105.000 đ/kg.

- Giá cá bình quân các loại tăng so với tháng trước, với mức giá cụ thể như sau: Cá thu nguyên con 180.000 - 190.000 đ/kg, tăng từ 5.000 - 10.000 đ/kg; Giá cá lóc từ 65.000 - 70.000 đ/kg; Cá chép 70.000 - 75.000 đ/kg; Cá biển loại 4 giá bình quân từ 50.000 - 55.000 đ/kg.

- Giá bình quân các loại rau xanh giảm so với tháng 10/2017, với mức giá cụ thể như sau: Rau bắp cải 14.000 - 16.000 đ/kg, giảm 500 - 1.000 đ/kg; bí xanh 14.000 - 15.000 đ/kg, giảm 500 - 1.000 đ/kg; cà chua 20.000 - 21.000 đ/kg, giảm 3.000 - 4.000 đ/kg.

- Giá thực phẩm công nghệ ổn định so với tháng trước: giá dầu ăn thực vật Simple: 44.000 - 45.000 đ/lít; muối hạt: 4.000 đ/kg; đường RE: 17.000 - 18.000 đ/kg.

3. Nhóm hàng nông sản:

Nhìn chung giá cả các mặt hàng ở nhóm hàng này diễn biến tăng, giảm so với tháng 9/2017, cụ thể như sau:

- Giá bình quân các loại đậu tăng nhẹ so với tháng trước: đậu tương: 19.000 - 20.000 đ/kg; Lạc nhân loại 1: 40.000 - 42.000 đ/kg.
- Giá bình quân cà phê nhân xô giảm 5.350 đ/kg so với giá bình quân tháng 10/2017, giá bình quân tháng 11/2017 là 38.780 đ/kg.
- Giá bình quân hạt tiêu đen loại 1 trong tháng 11/2017: 76.050 đ/kg, giảm so với giá bình quân tháng trước 2.340 đ/kg.

4. Giá vật tư và vật liệu xây dựng:

a/ Giá các loại vật tư:

Giá gas thế giới tăng nên các doanh nghiệp kinh doanh LPG tại Đắk Lắk điều chỉnh tăng giá bán LPG, cụ thể giá bán lẻ bình quân đến người tiêu dùng tháng 11/2017: 364.000 đồng/bình 12kg, tăng 33.500 đ/bình so với tháng trước.

Giá các loại xăng, dầu trên thị trường Đắk Lắk hầu hết ở các công ty và đại lý kinh doanh xăng dầu thực hiện mức giá điều chỉnh của các doanh nghiệp. Trong tháng 11/2017 giá xăng dầu điều chỉnh tăng cụ thể như sau:

- Từ ngày 01/11 đến ngày 04/11:
 - + Xăng Ron 92 không chì: 18.220 đ/lít.
 - + Dầu hỏa: 13.690 đ/lít.
 - + Dầu Diezen 0,05%S: 14.690 đ/lít.
- Từ ngày 04/11 đến ngày 20/11 điều chỉnh tăng:
 - + Xăng Ron 92 không chì: 18.500 đ/lít.
 - + Dầu hỏa: 13.690 đ/lít.
 - + Dầu Diezen 0,05%S: 14.900 đ/lít.
- Từ ngày 20/11 đến ngày 30/10 điều chỉnh tăng:
 - + Xăng Ron 92 không chì: 18.950 đ/lít.
 - + Dầu hỏa: 13.690 đ/lít.
 - + Dầu Diezen 0,05%S: 15.310 đ/lít.

b/ Giá vật liệu xây dựng:

- Trong tháng 11/2017 giá vật liệu xây dựng ổn định so với tháng trước, với mức giá cụ thể: Thép tròn trơn Φ6-8mm với mức giá bình quân 18.800 đ/kg; Xi măng PCB 40 Hoàng Thạch với mức giá bình quân 1.980 đ/kg.

5. Giá vàng và Đôla Mỹ:

Giá vàng bình quân trong tháng 11/2017 tăng so với giá vàng bình quân tháng 10/2017 từ 3.000 - 5.000 đ/chỉ, với mức giá bình quân tháng 11/2017 là 3.578.000 đ/chỉ. Tỷ giá bình quân đô la Mỹ và đồng Euro được niêm yết tại Ngân hàng Thương mại vào tháng 11/2017 cụ thể như sau: Tỷ giá đô la Mỹ là 22.750 đ/USD, giảm 5 đ/USD; Tỷ giá đồng Euro là 26.790,14 đ/Euro, giảm 74 đ/Euro so với tháng 10/2017.

II. Tình hình thực hiện công tác quản lý giá & công sản trong tháng 10/2017:

- Trình UBND tỉnh:
 - + Báo cáo tình hình thực hiện sản phẩm, dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn; phương thức cung ứng dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn.

+ Tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư Pháp dự thảo Quyết định quy định giá nước sạch sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

+ Tham gia ý kiến việc điều chỉnh, bổ sung giá tính thuế tài nguyên

+ Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước năm 2017 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk phục vụ họp HĐND tỉnh.

+ Tham mưu xử lý xe ô tô Volkswagen BKS 80NN-19125 của Dự án GTZ/REFAS (Sở Nông nghiệp & PTNN) đã kết thúc.

+ Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất thuộc sở hữu nhà nước của Kiểm toán NN khu vực XII tại Đắk Lắk.

+ Thanh lý 03 xe ô tô của các đơn vị thuộc Sở Y tế.

- Góp ý kiến dự thảo Quyết định của UBND tỉnh về quy định tiêu chí lựa chọn đối tượng được mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Quyết định khởi điểm để bán thanh lý tài sản là xe ô tô; Giá khởi điểm bán vật tư thu hồi từ thanh lý tài sản nhà nước tại các huyện trên địa bàn tỉnh.

- Thông báo Thẩm định giá mua sắm máy móc thiết bị, phương tiện phòng cháy chữa cháy rừng và bảo vệ rừng cấp bách của vườn Quốc gia Chư Yang Sin; giá mua sắm phim khô X quang kỹ thuật số của Bệnh viện Đa khoa huyện Krông Năng

- Thẩm định giá đất để tính tiền sử dụng đất khi nhà nước giao đất cho các hộ dân; Giá cho thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê; Giá đất, hệ số điều chỉnh giá đất để thực hiện công tác bồi thường thu hồi đất.

- Đôn đốc Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản thực hiện nhanh công tác đấu thầu mua sắm tập trung; báo cáo tình hình thực hiện mua sắm tài sản Nhà nước theo phương thức tập trung.

- Đề nghị Sở Tư pháp thẩm định dự thảo Quyết định của UBND tỉnh ban hành bảng giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau áp dụng trên địa bàn tỉnh.

- Định giá tài sản trong tổ tụng hình sự theo Quyết định trưng cầu của các cơ quan tố tụng hình sự.

Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk và Cục Quản lý giá Bộ Tài chính./

Nơi nhận:

- Cục Quản lý giá;
- UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- BGĐ Sở TC;
- Phòng TCKH các huyện, thị xã, thành phố.
- Lưu: VT, CSVG (Th-23b).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Đinh Xuân Diệu

BẢNG GIÁ THỊ TRƯỜNG THÁNG 11 NĂM 2017

(Ban hành kèm theo Báo cáo số: 3115/BC-STC, ngày 06 tháng 12 năm 2017 của Sở Tài chính Đắk Lắk)

STT	Mặt hàng	Đơn vị tính	10/2016	11/2017	Tăng giảm		Ghi chú
					Mức	%	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6=5-4)	(7=6/5)	
1	Giá bán lẻ						
1.001	Thóc tẻ thường	đ/kg	6.929	6.923	-6	-0,08	
1.002	Gạo tẻ thường	đ/kg	13.143	13.000	-143	-1,10	
1.003	Gạo thơm Đài Loan	đ/kg	17.143	17.023	-120	-0,70	
1.004	Thịt lợn thăn	đ/kg	85.000	85.000	0	0,00	
1.005	Thịt lợn mỡ sấn	đ/kg	80.000	80.000	0	0,00	
1.006	Thịt bò phi lê	đ/kg	254.762	256.364	1.602	0,62	
1.007	Gà công nghiệp (làm sạch)	đ/kg	55.000	55.000	0	0,00	
1.008	Gà ta còn sống	đ/kg	102.381	103.182	801	0,78	
1.009	Cá lóc (cá quả)	đ/kg	70.000	70.000	0	0,00	
1.010	Cá chép/trắm	đ/kg	75.000	75.000	0	0,00	
1.011	Cá biển loại 4	đ/kg	50.000	50.000	0	0,00	
1.012	Cá thu nguyên con	đ/kg	177.143	180.000	2.857	1,59	
1.013	Giò lụa	đ/kg	110.000	110.000	0	0,00	
1.014	Rau bắp cải	đ/kg	15.429	16.000	571	3,57	
1.015	Bí xanh	đ/kg	15.524	14.727	-797	-5,41	
1.016	Cà chua	đ/kg	24.952	21.455	-3.498	-16,30	
1.017	Dầu ăn thực vật Simple	đ/lít	44.000	44.000	0	0,00	
1.018	Muối hạt	đ/kg	4.000	4.000	0	0,00	
1.019	Đường RE	đ/kg	17.000	17.205	205	1,19	
1.020	Sữa Ông Thọ	đ/hộp	19.000	19.000	0	0,00	
1.021	Bia chai Sài Gòn	đ/két	130.000	130.000	0	0,00	
1.022	Bia hộp Sài Gòn	đ/thùng	215.000	215.000	0	0,00	
1.023	Cocacola	đ/thùng	180.000	180.000	0	0,00	
1.024	7 up lon	đ/thùng	170.000	170.000	0	0,00	
1.025	Rượu vang nội chai 750ml	đ/chai	80.000	80.000	0	0,00	
1.026	Thuốc Vitamin C nội 500mg	đ/vĩ	8.000	8.000	0	0,00	
1.027	Thuốc Ampicillin nội 250mg	đ/vĩ	11.000	11.000	0	0,00	
1.029	Thuốc bảo vệ thực vật	đ/chai	91.350	91.350	0	0,00	
1.030	Thức ăn chăn nuôi sản xuất CN	đ/kg	14.700	14.700	0	0,00	
1.031	Lốp xe máy nội loại 1	đ/chiếc	230.000	230.000	0	0,00	
1.032	Ti vi 21 " LG	đ/chiếc	2.100.000	2.100.000	0	0,00	
1.033	Tủ lạnh 150ml 2 cửa sanyo	đ/chiếc	4.000.000	4.000.000	0	0,00	
1.035	Phân Urê Phú Mỹ	đ/kg	7.400	7.600	200	2,63	
1.036	Phân SA Nhật	đ/kg	4.400	4.600	200	4,35	
1.037	Xi măng PCB 40 Hoàng Thạch	đ/kg	1.980	1.980	0	0,00	
1.038	Thép XD Φ 6-8 LD	đ/kg	18.800	18.800	0	0,00	

1.039	Ống nhựa Bình Minh Φ90x2,9mm	đ/mét	54.000	54.000	0	0,00
1.040	Ống nhựa Bình Minh Φ21x1,6mm	đ/mét	7.000	7.000	0	0,00
1.041	Xăng Ron 92 - II	đ/lít	18.319	18.646	327	1,76
1.042	Dầu hoả	đ/lít	13.539	13.690	151	1,11
1.043	Diesel 0,05S	đ/lít	14.789	15.039	251	1,67
1.044	Gar Petro (VN/SG)	đ/b	330.500	364.000	33.500	9,20
1.045	Cước ô tô liên tỉnh Đắk Lắk - HCM	đ/vé	173.000	173.000	0	0,00
1.046	Cước taxi	đ/km	12.000	12.000	0	0,00
1.047	Cước xe buýt (<12km)	đ/vé	12.000	12.000	0	0,00
1.048	Công may quần áo nam/ nữ	đ/c	130.000	130.000	0	0,00
1.049	Trông giữ xe máy	đ/lần	3.000	3.000	0	0,00
1.050	Vàng 99,99%	đ/chỉ	3.573.905	3.578.364	4.459	0,12
1.053	Đôla Mỹ (NHTM)	đ/USD	22.755	22.750	-6	-0,03
1.056	Euro (NHTM)	đ/Euro	26.864,36	26.790,14	-74	-0,28
2	Giá mua nông sản		0	0		
2.006	Lợn hơi	đ/kg	29.714	27.591	-2.123	-7,69
2.011	Xoài	đ/kg	53.810	51.818	-1.991	-3,84
2.012	Thanh long	đ/kg	22.381	21.136	-1.245	-5,89
2.013	Cà phê nhân xô loại 1	đ/kg	44.133	38.782	-5.352	-13,80
2.014	Hạt tiêu đen	đ/kg	78.381	76.045	-2.335	-3,07
2.017	Đậu tương loại 1 (đậu nành)	đ/kg	19.000	19.636	636	3,24
2.018	Lạc nhân loại 1	đ/kg	40.000	41.273	1.273	3,08